

Số: 82/TB-DQLTT

Sơn La, ngày 14 tháng 3 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Về việc công khai lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản**

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-QLTTSL ngày 14/3/2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Phương án xử lý tài sản của Đội QLTT Số 3; Số 4; Số 6.

Để bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định của pháp luật trong việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản; căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, Công văn số 1949/BTP-BTTP ngày 14/6/2022 của Bộ Tư pháp về việc triển khai Thông tư số 02/2022/TT-BTP, Đội quản lý thị trường số 6 thông báo công khai lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản cụ thể như sau:

**1. Tên đơn vị có tài sản đấu giá:**

- Tên người có tài sản: **Đội Quản lý thị trường số 6**
- Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.
- Điện thoại: 02123.837.567

**2. Thông tin về tài sản đấu giá:**

**1. Tài sản đấu giá:** 04 loại hàng hoá (áo phông nam, quần bò nữ, áo khoác trẻ em, quần áo trẻ em) hiện đang được lưu giữ tại trụ sở Đội QLTT số 6 - Cục Quản lý thị trường tỉnh Sơn La.

**2. Giá khởi điểm:** 4.855.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu tám trăm năm mươi năm nghìn đồng). Giá khởi điểm không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) và các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí khác (nếu có) người trúng đấu giá phải nộp các khoản này theo quy định hiện hành.

**3. Nội dung tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm**

| TT | NỘI DUNG                                                                                                                                      | MỨC TỐI ĐA |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| I  | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá - Tại trụ sở chính của Tổ chức đấu giá tài sản | 23         |
| 1  | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                       | 11         |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                         |    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)                                                                                                                                              | 6  |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện                                                                                                                                                               | 5  |
| 2   | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                | 8  |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                   | 4  |
| 2.2 | - Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: 2,0 điểm<br>- Nơi tổ chức cuộc đấu giá: 2,0 điểm                                                                                                    | 4  |
| 3   | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động                                                                                                                                                                                                               | 2  |
| 4   | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến                                                                                                                                                             | 1  |
| 5   | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                                                                                                            | 1  |
| II  | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                            | 22 |
| 1   | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan                                                                                                                               | 4  |
| 2   | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4  |
| 3   | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã                                                                                                                                                                        | 4  |
| 4   | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá                                                                                                                   | 4  |
| 5   | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá                                                                                                                                                 | 3  |
| 6   | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá                                                                                                                              | 3  |
| III | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                      | 45 |
| 1   | Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá                                                                                                                                      | 6  |
| 1.1 | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)                                                                                                                                                                                      | 2  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.2 | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3  |
| 1.3 | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4  |
| 1.4 | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5  |
| 1.5 | Từ 30 hợp đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6  |
| 2   | <b>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm</b>                                                                                                                                                                                              | 18 |
| 2.1 | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 10 |
| 2.2 | Từ 20% đến dưới 40%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 12 |
| 2.3 | Từ 40% đến dưới 70%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 14 |
| 2.4 | Từ 70% đến dưới 100%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 16 |
| 2.5 | Từ 100% trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 18 |
| 3   | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động</b>                                                                                                                                                                                                                                                            | 5  |
| 3.1 | Dưới 03 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3  |
| 3.2 | Từ 03 năm đến dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4  |
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5  |
| 4   | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3  |
| 4.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1  |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2  |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3  |
| 5   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</b> | 4  |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2  |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3  |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4  |

|                            |                                                                                                                                                                                                                          |                    |
|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 6                          | <i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i>                                                                                            | 5                  |
| 6.1                        | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                | 2                  |
| 6.2                        | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                          | 3                  |
| 6.3                        | <i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                         | 4                  |
| 6.4                        | <i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>                                                                                                                                                                                         | 5                  |
| 7                          | <b>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</b>                                                                                                                                                                 | 3                  |
| 7.1                        | <i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>                                                                                                                                                     | 2                  |
| 7.2                        | <i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>                                                                                                                                                                                           | 3                  |
| 8                          | <i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>                                                                                      | 1                  |
| IV                         | <b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp</b>                                                                                                                                                          | 5                  |
| 1                          | <i>Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>                                                                                                                                                   | 3                  |
| 2                          | <i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>       | 4                  |
| 3                          | <i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i> | 5                  |
| V                          | <b>Tiêu chí khác: Tổ chức đấu giá tài sản có trụ sở chính tại tỉnh Sơn La để thuận tiện cho việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá</b>                                                                               | 5                  |
| <b><u>Tổng số điểm</u></b> |                                                                                                                                                                                                                          | <b><u>100</u></b>  |
| VI                         | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                          |                    |
| 1                          | Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                 | Đủ điều kiện       |
| 2                          | Không có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                           | Không đủ điều kiện |

**Ghi chú:** Tài sản đấu giá cùng loại là tài sản đấu giá được quy định trong cùng một điểm của khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản. Ví dụ: Tài sản Nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước (nay gọi là tài sản công) quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản.

**4. Đánh giá, chấm điểm Tổ chức đấu giá tài sản:** Thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp.

Trường hợp có từ 02 Tổ chức đấu giá tài sản trở lên có số điểm cao nhất bằng nhau thì Tổ chức đấu giá tài sản có thời gian thành lập lâu hơn sẽ được lựa chọn.

**5. Yêu cầu về hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản**

- Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn do Tổ chức đấu giá tài sản tự xây dựng bao gồm đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo nội dung nhóm tiêu chí quy định tại mục 3 Thông báo này, kèm theo bảng tự chấm điểm các tiêu chí của tổ chức đấu giá tài sản, có ký, đóng dấu của Tổ chức đấu giá tài sản.

- Tổ chức đấu giá tài sản phải gửi kèm các giấy tờ, tài liệu chứng minh cho các tiêu chí đánh giá và tự chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

- Trường hợp hồ sơ đăng ký thiếu nội dung thông tin của các nhóm tiêu chí quy định tại mục 3 Thông báo này và thiếu các giấy tờ, tài liệu chứng minh cho tiêu chí thì nội dung đó không được chấm điểm.

- Hồ sơ được in bìa đóng thành quyển, đóng dấu giáp lai. Mỗi Tổ chức đấu giá tài sản phải nộp 01 quyển hồ sơ và đựng trong phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong của Tổ chức đấu giá tài sản.

**6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản**

- **Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn:** Trong thời hạn **03 ngày làm việc** kể từ ngày đăng tải Thông báo này trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Đội Quản lý thị trường số 6.

- Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Điện thoại: 02123.837.567

**Lưu ý:**

+ Người được tổ chức đấu giá tài sản cử đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và bản photo CCCD (mang bản chính để đối chiếu).

+ Chỉ xét chọn đối với Tổ chức đấu giá tài sản nộp đủ số lượng hồ sơ, đúng thời gian và đáp ứng các nội dung, sắp xếp đúng thứ tự theo quy định tại mục 3 Thông báo này.

+ Hồ sơ đã nộp không hoàn lại với bất kỳ lý do nào.

+ Đội Quản lý thị trường số 6 chỉ giải quyết kiến nghị của Tổ chức đấu giá tài sản trong 03 ngày kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn được đăng tải

trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản đối với những hồ sơ nộp đúng thời gian, đúng số lượng đã quy định.

Đội Quản lý thị trường số 6 thông báo đến các Tổ chức đấu giá tài sản biết và nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn để tổ chức thực hiện cuộc đấu giá tài sản.

Thông báo này được đăng trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản và Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý thị trường tỉnh Sơn La./.

**Nơi nhận:**

- Công TTĐTQG về DGTS;
- Trang TTĐT của Cục QLTT tỉnh Sơn La;
- Niêm yết tại trụ sở Đội QLTT 6;
- Lưu: VT.

**KT. ĐỘI TRƯỞNG  
PHÓ ĐỘI TRƯỞNG**



**Lò Văn Nhân**